

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN**

Số: 297 /UBND-QLĐT
V/v cơ chế hỗ trợ đối với các hộ
gia đình bị ảnh hưởng di chuyển
mộ thực hiện dự án Khu dân cư
Nam Cổ Đàm phường Lam Sơn,
thị xã Bỉm Sơn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bỉm Sơn, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

UBND thị xã Bỉm Sơn đang triển khai tổ chức thực hiện bồi thường GPMB dự án: Khu dân cư Nam Cổ Đàm, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn (sau đây gọi là Dự án) để bàn giao đất cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Hiện nay, công tác Bồi thường giải phóng mặt bằng đang gặp một số khó khăn vướng mắc; Căn cứ vào quy định hiện hành của Pháp luật về bồi thường GPMB, UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, nội dung sau:

Trong phạm vi thực hiện dự án hiện có khoảng gần 400 ngôi mộ, chủ yếu tập trung tại 01 khu nghĩa địa đã có từ nhiều năm diện tích khoảng 4.000m², một số ít là mộ lẻ nằm rải rác, phần lớn các mộ đã được xây dựng kiên cố. Hội đồng BT GPMB dự án đã phối hợp với các hộ dân và chính quyền địa phương tiến hành kiểm kê, lập phương án bồi thường theo quy định tại Điều 11 – Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Về cơ bản các hộ dân đều đồng thuận với phương án bồi thường đối với di chuyển mồ mã và ủng hộ việc giải phóng mặt bằng thực hiện xây dựng dự án. Vị trí sẽ di chuyển mồ mã đến là nghĩa trang thuộc phường Lam Sơn, khu vực nằm trên sườn đồi đang có mồ mã cũ các hộ tự dọn dẹp đào đắp đất tạo mặt bằng và xây mộ, phần đất còn lại là các khu vực chưa được dọn dẹp, cây cối mọc xen kẽ, chưa có mặt bằng ổn định cần phải đắp tạo mặt bằng để chôn cất, chưa đảm bảo mặt bằng để giao cho các hộ dân. Để có thể di chuyển mồ mã về vị trí này, dự kiến mỗi ngôi mộ cải táng sẽ được bố trí với diện tích 1,5mx2,5m. Các hộ dân sẽ phải tự thực hiện việc dọn dẹp và san nền tạo mặt bằng cụ thể: chặt cây, đào gốc đường kính <20cm, đào phần đất hữu cơ bỏ đi 0,2m và đắp bù đất tạo mặt bằng với chiều cao đắp khoảng 1,3m (đắp thêm 1,1m). Khối lượng đất cấp 1 đào đi là: 1,5mx2,5mx0,2m=0,75m³; khối lượng đất cấp 3 đắp bù vào là: 1,5mx2,5mx1,3m=2,438m³.

Trên cơ sở đó áp dụng các đơn giá hiện hành của tỉnh, hội đồng BT GPMB dự án đã tính toán chi phí cần thực hiện là: **1.516.000 đồng** (Có chi tiết kèm theo)

Mặt khác, hiện nay trong gần 400 ngôi mộ phải di chuyển giải phóng mặt bằng, có khoảng hơn 50 ngôi mộ đã được các hộ dân đầu tư xây dựng thành khu lăng mộ đặc thù (có hình dáng kiến trúc đặc biệt và sử dụng các loại vật liệu riêng biệt như: BTCT ốp đá, gạch, bằng đá nguyên tấm có đục đẽo hoa văn trang trí,...), do đó không có quy định trong đơn giá bồi thường GPMB của tỉnh và không đủ cơ sở lập dự toán theo thiết kế của lăng mộ (do từng lăng mộ của các hộ là không giống nhau, không có thiết kế riêng, có nhiều chi tiết hoa văn phức tạp).

Hội đồng bồi thường GPMB dự án đã tiến hành khảo giá thực tế trên thị trường trong khu vực (trên địa bàn Thị xã Bỉm Sơn và các xã lân cận của huyện Hà Trung) đơn giá thực hiện hoàn thiện cho phần kiến trúc đặc thù của các lăng mộ trên (bao gồm: vật liệu, nhân công, máy thi công, vận chuyển, lắp đặt hoàn chỉnh), theo đó nhiều chủng loại, có giá từ 2.000.000 đồng đến 38.000.000 đồng. (Có biểu chi tiết kèm theo).

Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nêu trên khi thực hiện, đồng thời đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nhân dân, đẩy nhanh tiến độ thực hiện GPMB của dự án, UBND thị xã Bỉm Sơn kính trình UBND tỉnh chấp thuận cho thực hiện một số nội dung sau:

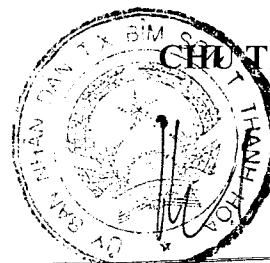
- Cho hỗ trợ thêm (ngoài kinh phí đã hỗ trợ theo quy định tại điều 11 - Quyết định 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa) chi phí dọn dẹp tạo mặt bằng tại khu vực di chuyển đến là: **1.516.000 đồng/1 mộ.**

- Cho phép áp dụng đơn giá thực tế trong khu vực do Hội đồng BT GPMB thị xã đã thực hiện khảo sát theo chi tiết kèm theo, để tính cho phần vật kiến trúc đối với các lăng mộ đặc thù.

UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Thanh Hóa để thị xã có cơ sở thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HĐBT.



Bùi Huy Hùng

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG CHO 01 VỊ TRÍ MỘ MỘ PHỤC VỤ GPMB

Dự án: Khu dân cư Nam Cổ Đàm, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

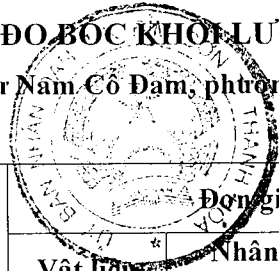
Đơn vị tính: đồng

| STT | NỘI DUNG CHI PHÍ | CÁCH TÍNH | GIÁ TRỊ | KÝ HIỆU |
|-----|---------------------------------|---|------------------|-----------|
| I | CHI PHÍ TRỰC TIẾP | | | |
| 1 | Chi phí vật liệu | (VLG + CLVL) | 73.125 | VL |
| | - Đơn giá vật liệu gốc | Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình | 73.125 | VLG |
| | - Chênh lệch giá vật liệu | Theo bảng tổng hợp vật liệu và chênh lệch giá | | CLVL |
| 2 | Chi phí nhân công | BNC | 1.273.505 | NC |
| | - Đơn giá nhân công gốc | Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình | 1.101.683 | NCG |
| | - Chênh lệch giá nhân công | Theo bảng tổng hợp nhân công và chênh lệch giá | 171.822 | CLNC |
| | - Hệ số điều chỉnh nhân công | $(NCG + CLNC) \times 1$ | 1.273.505 | BNC |
| 3 | Chi phí máy thi công | BM | 169.686 | M |
| | - Đơn giá máy thi công gốc | Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình | 142.269 | MG |
| | - Chênh lệch giá máy thi công | Theo bảng tổng hợp máy thi công và chênh lệch giá | 27.417 | CLM |
| | - Hệ số điều chỉnh máy thi công | $(MG + CLM) \times 1$ | 169.686 | BM |
| | Chi phí trực tiếp | VL + NC + M | 1.516.316 | T |
| | Làm tròn: | | 1.516.000 | |

Bảng chữ: Một triệu, năm trăm mười sáu nghìn đồng.

BẢNG TÍNH TOÁN, ĐO BÓC KHỐI LƯỢNG

Công tác: Tạo mặt bằng di chuyển 01 mộ để GPMB Khu dân cư Nam Cò Đàm, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.



| STT | Mã hiệu công tác | Danh mục công tác đo bóc | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá | | | Thành tiền | | | Hệ số |
|-----|------------------|---|------------------------|------------|----------|-----------|--------------|------------|-----------|--------------|-------|
| | | | | | Vật liệu | Nhân công | Máy thi công | Vật liệu | Nhân công | Máy thi công | M |
| 1 | AA.12121 | Chặt cây ở sườn dốc, đường kính gốc cây <=20cm | cây | 15,0000 | | 23.843 | | | 357.645 | | |
| 2 | AA.13111 | Đào gốc cây, đường kính gốc cây <=20cm | gốc cây | 15,0000 | | 34.062 | | | 510.930 | | |
| 3 | AB.21121 | Đào hữu cơ, san đất tạo mặt bằng bằng máy đào <=0,8m ³ , đất cấp I | 100m ³ | 0,0075 | | 85.154 | 511.557 | | 639 | 3.837 | |
| | | $1,5 \times 2,5 \times 0,2 / 100 = 0,0075$ | | | | | | | | | |
| 4 | AB.41411 | Vận chuyển đất, ô tô 5T tự đổ, phạm vi <= 1000 m, đất C1 | 100m ³ | 0,0075 | | | 1.009.318 | | | 7.570 | |
| | | $0,0075 = 0,0075$ | | | | | | | | | |
| 5 | AB.42311 | Vận chuyển đất 1000 m tiếp theo, ô tô 5T, cự ly <= 7km, đất C1 | 100m ³ /1km | 0,0075 | | | 2.398.380 | | | 17.988 | 6 |
| | | $0,0075 = 0,0075$ | | | | | | | | | |
| 6 | TT | Mua đất cấp III đắp trung bình 1,3m | m ³ | 2,4375 | 30.000 | | | 73.125 | | | |
| | | $1/2 \times (2,5 \times 1,5) \times 1,3 = 2,4375$ | | | | | | | | | |
| 7 | AB.41413 | Vận chuyển đất, ô tô 5T tự đổ, phạm vi <= 1000 m, đất C3 | 100m ³ | 0,0244 | | | 1.453.563 | | | 35.467 | |
| | | $2,4375 / 100 = 0,0244$ | | | | | | | | | |
| 8 | AB.42313 | Vận chuyển đất 1000 m tiếp theo, ô tô 5T, cự ly <= 7km, đất C3 | 100m ³ /1km | 0,0244 | | | 3.172.404 | | | 77.407 | 6 |

**BẢNG KHẢO SÁT GIÁ THỰC TẾ CÁC LOẠI MỘ, LĂNG MỘ VÀ MỘT SỐ CHI TIẾT ĐẶC THÙ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG GPMB**

Dự án: Khu dân cư Nam Cổ Đàm, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Kèm theo phiếu điều tra khảo sát)

| TT | Danh Mục | Đơn giá khảo sát (đồng/cái) | | | Đơn giá đề xuất (đồng/cái) |
|----|---|---|---|--|----------------------------|
| | | Tại cơ sở sản xuất: ông Biện Văn Nam, thuộc Thôn Cổ Đàm, P. Lam Sơn, tx. Bỉm Sơn. | Tại cơ sở sản xuất: ông Phạm Văn Hát, thuộc Thôn Cổ Đàm, P. Lam Sơn, tx. Bỉm Sơn. | Tại cơ sở sản xuất: Bà Lê Thị Minh, Cầu Cừ, xã Hà Dương, Huyện Hà Trung. | |
| 1 | Mộ BT đúc sẵn, lắp ghép ốp gạch loại nhỏ (Kích thước khoảng 58x96cm) | 2.200.000 | 2.200.000 | 2.000.000 | 2.000.000 |
| 2 | Mộ BT đúc sẵn, lắp ghép ốp gạch loại trung (Kích thước khoảng 69x109cm) | 2.800.000 | 2.800.000 | 2.500.000 | 2.500.000 |
| 3 | Mộ BT đúc sẵn, lắp ghép ốp gạch loại lớn (Kích thước khoảng 78x130cm) | 3.600.000 | 3.600.000 | 3.300.000 | 3.300.000 |
| 4 | Mộ + Lăng bằng đá trắng nguyên tấm (Kích thước khoảng 210*120+90*80cm) | 39.000.000 | 39.000.000 | 38.000.000 | 38.000.000 |
| 5 | Lăng bằng đá trắng nguyên tấm (Kích thước khoảng 78x130cm) | 30.000.000 | 30.000.000 | 30.000.000 | 30.000.000 |
| 6 | Mộ đá trắng nhỏ (Kích thước khoảng 61x109cm) | 6.500.000 | 6.500.000 | 7.000.000 | 6.500.000 |
| 7 | Lăng BT đúc sẵn 2 tầng loại nhỏ (Kích thước khoảng 60x80cm) | 7.000.000 | 7.000.000 | 6.500.000 | 6.500.000 |
| 8 | Lăng BT đúc sẵn 2 tầng loại trung (Kích thước khoảng 80x90cm) | 8.500.000 | 8.500.000 | 8.000.000 | 8.000.000 |
| 9 | Lăng BT đúc sẵn 2 tầng loại lớn (Kích thước khoảng 100x120cm) | 9.500.000 | 9.500.000 | 9.000.000 | 9.000.000 |

| | | | | | |
|----|---|------------|------------|------------|------------|
| 10 | Lăng BT đúc sẵn 3 tầng loại nhỏ (Kích thước khoảng 80x110cm) | 8.500.000 | 8.500.000 | | 8.500.000 |
| 11 | Lăng BT đúc sẵn 3 tầng loại trung (Kích thước khoảng 100x130cm) | 11.000.000 | 11.000.000 | | 11.000.000 |
| 12 | Lăng BT đúc sẵn 3 tầng loại lớn (Kích thước khoảng 120x150cm) | 13.000.000 | 13.000.000 | 13.000.000 | 13.000.000 |
| 13 | Mộ BT đúc sẵn, lắp ghép ốp gạch loại trung + chụp mộ bằng BT trang trí (Kích thước khoảng 90x140cm) | 5.000.000 | 5.000.000 | 4.500.000 | 4.500.000 |
| 14 | Mộ đá Granit lắp ghép loại nhỏ (Kích thước khoảng 58x96cm) | 4.000.000 | 4.000.000 | | 4.000.000 |
| 15 | Mộ đá Granit lắp ghép loại trung (Kích thước khoảng 80x130cm) | 5.000.000 | 5.000.000 | | 5.000.000 |
| 16 | Mộ đá Granit lắp ghép loại lớn (Kích thước khoảng 110x160cm) | 8.000.000 | 8.000.000 | | 8.000.000 |
| 17 | Đài sen sứ | 50.000 | 50.000 | | 50.000 |
| 18 | Rồng trang trí | 120.000 | 120.000 | | 120.000 |

Ghi chú: Đơn giá bao gồm cả vật liệu, nhân công, máy, vận chuyển, lắp đặt hoàn chỉnh.